TỔNG CÔNG TY CN XI MĂNG VIỆT NAM
CÔNG TY CP VICEM THƯƠNG MẠI XI MĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 281 /BCTN-TMXM
V/v Báo cáo thường niên năm 2016

Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2017

Kính gửi:
- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Tên công ty: Công ty cổ phần Vicem Thương mại xi măng.

Năm báo cáo: Năm 2016

I. Thông tin chung của Công ty:

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Vicem Thương mại xi măng.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0100105694
- Vốn điều lệ: 60.000.000.000 đồng.
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 60.000.000.000 đồng.
- Địa chỉ: Số 348 Đường Giải Phóng, Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.
- Số điện thoại: 04 3 8643346
- Số fax: 04 3 8642586
- Website: http://www.tmx.com.vn
- Mã cổ phiếu: TMX

2. Quá trình hình thành và phát triển:

- Ngày thành lập: Công ty thành lập ngày 02/7/2007.
- Thời điểm niêm yết: Ngày 02/11/2009.
- Các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay:

+ Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty ngày 20/6/2007 đã bầu ra Hội đồng quản trị Công ty gồm có 05 thành viên trong đó ông Vũ Văn Hiệp giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát Công ty gồm có 03 thành viên trong đó ông Đặng Minh Hoằng giữ chức Trưởng Ban Kiểm soát.

+ Do có sự thay đổi đại diện phần vốn của Hội đồng quản trị Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam (quyết định số: 503/QĐ-XMVN ngày 22 tháng 4 năm 2008), Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty ngày 29/4/2008 đã thông qua để ông Vũ Văn Hiệp thôi giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị và rút khỏi Hội đồng quản trị Công ty; Đại hội đã bầu ông Dương Công Hoàn giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty và bầu bổ sung ông Hoàng Văn Tám vào Hội đồng quản trị Công ty (theo Biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị Công ty ngày 25/4/2008).

Signature Not Verified
Ký bởi: LÊ KIM PHƯƠNG
Ký ngày: 20/3/2017 19:25:00

+ Ngày 07/5/2009 ông Phạm Văn Nhận đã có đơn xin từ chức thành viên Hội đồng quản trị Công ty do chuyển công tác, vì vậy Hội đồng quản trị Công ty đã thống nhất để ông Phạm Văn Nhận thôi giữ chức thành viên Hội đồng quản trị Công ty kể từ ngày 11/5/2009.

+ Để có đủ 05 thành viên như quy định tại Điều lệ Công ty nhằm phát huy năng lực trong lãnh đạo điều hành sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao, ngày 27/8/2009 Hội đồng quản trị Công ty đã họp và thống nhất bầu bổ sung ông Đặng Phúc Tân - Quyền Trưởng phòng Kinh doanh xi măng số 02 vào Hội đồng quản trị Công ty từ ngày 01/9/2009. Ngày 16/4/2010 ông Đặng Phúc Tân đã có đơn đề nghị miễn nhiệm chức danh thành viên Hội đồng quản trị Công ty, Hội đồng quản trị Công ty đã họp phiên bất thường ngày 16/4/2010 và thống nhất để ông Đặng Phúc Tân thôi giữ chức thành viên Hội đồng quản trị Công ty kể từ ngày 16/4/2010.

+ Ngày 15/4/2010 Hội đồng quản trị Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam ban hành quyết định số 496/QĐ-XMVN về việc Cử người đại diện quản lý và điều chỉnh tỷ lệ nắm giữ phần vốn Nhà nước của Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam (Vicem) tại Công ty cổ phần Thương mại xi măng. Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010 ngày 22/4/2010 đã bầu bổ sung bà Trần Thị Minh Anh vào Hội đồng quản trị và giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty.

+ Hội đồng quản trị Công ty thống nhất việc tiếp nhận và bổ nhiệm Ông Trần Quang Tuấn giữ chức vụ Phó Giám đốc Công ty từ ngày 01/10/2009.

+ Ngày 15/9/2011 Công ty đã đổi tên thành Công ty cổ phần Vicem Thương mại xi măng.

+ Công ty đã lập dự án Nhà ở cao tầng kết hợp dịch vụ thương mại tại ngõ 1, phố Phan Đình Giót và dự án Khu nhà ở kết hợp thương mại dịch vụ tại Vĩnh Tuy, nhưng do tình hình khó khăn trong công tác đầu tư xây dựng, từ cuối năm 2012 Hội đồng quản trị Công ty đã quyết định tạm dừng đầu tư xây dựng 02 dự án này trong thời gian khoảng 03 năm.

+ Tháng 4/2012: Ông Nông Tuấn Dũng và ông Hoàng Văn Tám thôi giữ chức thành viên Hội đồng quản trị Công ty; Ông Đặng Minh Hoằng và bà Nguyễn Thị Tuyết thôi giữ chức thành viên Ban kiểm soát Công ty do hết nhiệm kỳ. Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 của Công ty đã bầu Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ mới 2012 - 2017. Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2012 - 2017 có 05 thành viên, trong đó có 03 thành viên cũ là bà Trần Thị Minh Anh, ông Dương Công Hoàn, ông Đinh Xuân Cầm và 02 thành viên mới là bà Phan Thị Tố Oanh và ông Đỗ Ngọc Thạch. Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2012 - 2017 có 03 thành viên, trong đó có 01 thành viên cũ là bà Tô Thị Minh Phượng và 02 thành viên mới là bà Trần Thị Hải Ngà (Trưởng ban) và bà Lê Thị Hồng Thu (thành viên) theo đúng quy định.

+ Từ ngày 01/6/2013 ông Trần Quang Tuấn thôi giữ chức Phó Giám đốc Công ty do chuyển công tác về Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam theo quyết định số 349/QĐ-TMXM ngày 31/5/2013.

+ Từ ngày 01/7/2013 Công ty giải thể phòng Quản lý dự án và kỹ thuật đầu tư xây dựng và phòng Kinh doanh Vật liệu xây dựng theo quyết định số 439/QĐ-TMXM ngày 25/6/2013.

+ Từ ngày 15/7/2013 ông Đặng Phúc Tân được bổ nhiệm giữ chức Phó Giám đốc Công ty theo quyết định số 489/QĐ-TMXM ngày 11/7/2013.

+ Trong năm 2013 Công ty đã bổ nhiệm và bổ nhiệm lại các chức danh Phó Giám đốc, Trưởng phòng và một số chức danh khác theo đúng quy định.

+ Tháng 7 năm 2014 Công ty đã thành lập 5 Chi nhánh tại Hà Nội trên cơ sở 5 phòng Kinh doanh xi măng của Công ty.

+ Từ tháng 8 đến tháng 10 năm 2014 Công ty đã bổ nhiệm các chức danh Giám đốc, phó Giám đốc, Trưởng ban Tài chính kế toán của 5 Chi nhánh tại Hà Nội và các Chi nhánh đã triển khai hoạt động.

+ Theo quyết định số 2657/QĐ-VICEM ngày 24/12/2014 của Tổng công ty Công nghiệp xi măng Việt Nam ông Dương Công Hoàn thôi tham gia quản lý phần vốn nhà nước của VICEM tại Công ty cổ phần Vicem Thương mại xi măng trị giá 10.800.000.000 đồng, chiếm 18% vốn điều lệ Công ty và ông Ngô Đức Lưu - Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần xi măng Vicem Bút Sơn làm Người đại diện ủy quyền quản lý phần vốn của VICEM tại Công ty với giá trị là 10.800.000.000 đồng, tương ứng với 1.080.000 cổ phần và chiếm 18% vốn điều lệ của Công ty. Tham gia ứng cử vào Hội đồng quản trị Công ty và dự kiến giữ chức vụ Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty.

+ Theo nghị quyết số 948/NQ-HĐQT ngày 27/12/2014 và quyết định số 949/QĐ-TMXM ngày 27/12/2014 của Hội đồng quản trị Công ty, từ ngày 01/01/2015 ông Dương Công Hoàn thôi giữ chức Thành viên Hội đồng quản trị và thôi giữ chức Giám đốc Công ty do chuyển công tác về Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam.

+ Theo nghị quyết số 948/NQ-HĐQT ngày 27/12/2014 và quyết định số 950/QĐ-TMXM ngày 27/12/2014 của Hội đồng quản trị Công ty, từ ngày 01/01/2015 ông Ngô Đức Lưu được bầu là Thành viên Hội đồng quản trị và được bổ nhiệm giữ chức Giám đốc Công ty.

+ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 ngày 20/4/2015 đã thông qua việc miễn nhiệm Thành viên Ban Kiểm soát đối với bà Lê Thị Hồng Thu và bầu bổ sung bà Lê Thị Thu Hà vào Ban Kiểm soát Công ty.

+ Theo quyết định số 1204/QĐ-VICEM ngày 12/6/2015 của Tổng công ty Công nghiệp xi măng Việt Nam ông Đinh Xuân Cầm thôi tham gia quản lý phần vốn nhà nước của VICEM tại Công ty cổ phần Vicem Thương mại xi măng trị giá 6.986.140.000 đồng, chiếm 11,64% vốn điều lệ Công ty và ông Văn Quang Đức - làm Người đại diện ủy quyền quản lý phần vốn của VICEM tại Công ty với giá trị là 6.986.140.000 đồng, tương ứng với 698.614 cổ phần và chiếm 11,64% vốn điều lệ của Công ty. Tham gia ứng cử vào Hội đồng quản trị Công ty.

+ Theo nghị quyết số 642/NQ-HĐQT ngày 29/6/2015 và quyết định số 662/QĐ-TMXM ngày 30/6/2015 của Hội đồng quản trị Công ty, từ ngày

01/7/2015 ông Đinh Xuân Cầm thôi giữ chức Thành viên Hội đồng quản trị và thôi giữ chức Kế toán trưởng Công ty.

+ Theo nghị quyết số 642/NQ-HĐQT ngày 29/6/2015 và quyết định số 661/QĐ-TMXM ngày 30/6/2015 của Hội đồng quản trị Công ty, từ ngày 01/7/2015 ông Văn Quang Đức được bầu là Thành viên Hội đồng quản trị và được bổ nhiệm giữ chức Trưởng phòng Tài chính kế toán Công ty.

+ Từ ngày 01/7/2015 Công ty giải thể 4 Văn phòng đại diện Công ty tại Vĩnh Phúc, Phú Thọ, Yên Bái và Lào Cai theo quyết định số 647→ 650/QĐ-TMXM ngày 30/6/2015 và giải thể 5 Chi nhánh tại Hà Nội theo quyết định số 651→ 655/QĐ-TMXM ngày 30/6/2015.

+ Từ ngày 01/7/2015 Công ty thành lập Phòng Bán hàng trực thuộc Công ty theo quyết định số 656/QĐ-TMXM ngày 30/6/2015.

+ Từ ngày 01/7/2015 Công ty đổi tên Phòng Thị trường xi măng thành Phòng Kế hoạch - Thị trường trực thuộc Công ty theo quyết định số 657/QĐ-TMXM ngày 30/6/2015.

+ Công ty tạm đình chỉ chức vụ Phó Giám đốc Công ty đối với ông Nông Tuấn Dũng theo quyết định số 789/QĐ-TMXM ngày 15/7/2015 để phục vụ công tác điều tra của cơ quan pháp luật.

+ Từ ngày 01/9/2015 Công ty thành lập Phòng Tổ chức - Hành chính trên cơ sở sáp nhập Phòng Tổ chức lao động và Văn phòng Công ty theo quyết định số 933/QĐ-TMXM ngày 19/8/2015.

+ Theo quyết định số 2812/QĐ-VICEM ngày 30/12/2015 của Tổng công ty Công nghiệp xi măng Việt Nam bà Trần Thị Minh Anh thôi tham gia quản lý phần vốn nhà nước của VICEM tại Công ty cổ phần Vicem Thương mại xi măng trị giá 18.000.000.000 đồng, chiếm 30% vốn điều lệ Công ty và ông Lê Nam Khánh - Thành viên Hội đồng thành viên Tổng công ty Công nghiệp xi măng Việt Nam làm Người đại diện ủy quyền quản lý phần vốn của VICEM tại Công ty với giá trị là 18.000.000.000 đồng, tương ứng với 1.800.000 cổ phần và chiếm 30% vốn điều lệ của Công ty. Tham gia ứng cử vào Hội đồng quản trị Công ty và dự kiến giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty.

+ Theo nghị quyết số 72/NQ-HĐQT ngày 27/01/2016, từ ngày 27/01/2016 bà Trần Thị Minh Anh thôi giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị và thôi tham gia Hội đồng quản trị Công ty; Bổ sung ông Lê Nam Khánh làm thành viên Hội đồng quản trị và giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vicem Thương mại xi măng.

+ Theo quyết định số 259/QĐ-TMXM ngày 24/3/2016 ông Văn Quang Đức - Trưởng phòng Tài chính kế toán Công ty được bổ nhiệm giữ chức vụ Kế toán trưởng Công ty cổ phần Vicem Thương mại xi măng kể từ ngày 01/4/2016.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh chính:

+ Kinh doanh các loại xi măng;

+ Cho thuê bất động sản;

- Địa bàn kinh doanh: Hà Nội, Vĩnh Phúc, Thái Nguyên, v.v...

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

- Mô hình quản trị của Công ty: Bao gồm Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành (đứng đầu là Giám đốc, các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, các Trưởng phòng, Giám đốc Chi nhánh).

- Cơ cấu bộ máy quản lý:

+ Công ty có các phòng ban chức năng: Phòng Tổ chức - Hành chính; Phòng Tài chính kế toán; Phòng Kế hoạch - Thị trường.

+ Các đơn vị kinh doanh: Phòng Bán hàng; Chi nhánh tại Thái Nguyên.

+ Trực thuộc các đơn vị kinh doanh là các cửa hàng bán xi măng; Các cửa hàng đại lý, các nhà phân phối cấp 2 của Công ty.

- Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

5. Định hướng phát triển: Mục tiêu của Công ty năm 2017:

* Sản lượng mua vào, bán ra	:	1.300.000	tấn
* Tổng doanh thu	:	1.294.985	triệu đồng
* Nộp ngân sách	:	8.100	triệu đồng
* Lợi nhuận trước thuế	:	9.059	triệu đồng
* Tỷ lệ cổ tức	:	5	% / năm

6. Các rủi ro: Các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh và ảnh hưởng tới việc thực hiện các mục tiêu của Công ty bao gồm:

Rủi ro tín dụng: Là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

II. Tình hình hoạt động trong năm:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2016:

- Kinh doanh tiêu thụ xi măng:

Đơn vị tính: Tấn.

CHỦNG LOẠI XI MĂNG	MỤC TIÊU NĂM 2016	THỰC HIỆN MUA VÀO			THỰC HIỆN BÁN RA		
		Tổng số	% so với MT	% so 2015	Tổng số	% so với MT	% so 2015
Tổng số	**1.050.000**	**1.210.532**	**115,3**	**120,0**	**1.220.200**	**116,2**	**121,6**
- XM H. Thạch	700.000	779.169	111,3	117,7	784.475	112,1	119,6
- XM Bỉm Sơn	10.000	2.714	27,1	27,4	2.714	27,1	27,1
- XM Bút Sơn	300.000	258.303	86,1	84,5	262.645	87,5	85,8
- XM Hải Phòng	15.000	125.181	834,5	1.796,5	125.181	834,5	1.796,5
- XM Tam Điệp	25.000	45.165	180,7	187,9	45.185	180,7	187,9

- Công tác tài chính năm 2016:

Đơn vị tính: Triệu đồng.

Chỉ tiêu	Mục tiêu	Thực hiện	% so với mục tiêu	% so với năm 2015
- Tổng doanh thu	1.108.719	1.272.648	114,8	118,8
- Nộp ngân sách	8.197	10.137	123,7	140,5
- Lợi nhuận trước thuế	8.770	11.621	132,5	82,4
- Tỷ lệ cổ tức dự kiến (%/năm)	5	5	100,0	100,0

- Công tác lao động tiền lương năm 2016:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mục tiêu	Thực hiện	% so MT	% so 2015
- Lao động bình quân	người	160	160	100,0	82,9
- Tổng quỹ tiền lương	1.000 đồng	17.000.000	19.114.000	112,4	112,4
- Tiền lương bình quân	đ/người/tháng	8.854.000	9.955.000	112,4	138,3
- Thu nhập bình quân	đ/người/tháng	9.354.000	10.430.000	111,5	136,1

- Công tác đa dạng hóa kinh doanh: Công ty đã khai thác cơ sở vật chất sẵn có, tận dụng triệt để việc cho thuê kho, bãi, trụ sở Công ty, ... do đó đã tạo thêm nguồn thu cho Công ty, bổ sung thu nhập cho người lao động. Doanh thu thu được từ công tác kinh doanh cho thuê bất động sản và các dịch vụ khác năm 2016 là 8,0 tỷ đồng.

2. Tổ chức và nhân sự:

- Danh sách và tỷ lệ sở hữu cổ phần của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Kế toán trưởng Công ty:

+ Ông Lê Nam Khánh - Chủ tịch Hội đồng quản trị.
Số cổ phần đại diện nắm giữ: 1.800.000 cổ phần, chiếm 30% vốn điều lệ.

+ Ông Ngô Đức Lưu - Thành viên Hội đồng quản trị - Giám đốc Công ty.
Số cổ phần đại diện nắm giữ: 1.080.000 cổ phần, chiếm 18% vốn điều lệ.

+ Ông Văn Quang Đức - TV Hội đồng quản trị - Kế toán trưởng Công ty.
Số cổ phần đại diện nắm giữ: 698.614 cổ phần, chiếm 11,64% vốn điều lệ.

+ Ông Nông Tuấn Dũng - Phó Giám đốc Công ty.
Số cổ phần sở hữu: 6.000 cổ phần, chiếm 0,1% vốn điều lệ.

+ Ông Đặng Phúc Tân - Phó Giám đốc Công ty:
Số cổ phần sở hữu: 12.300 cổ phần, chiếm 0,205% vốn điều lệ.

- Những thay đổi trong năm của Ban giám đốc, Kế toán trưởng:

+ Từ ngày 27/01/2016 ông Lê Nam Khánh được bầu là Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty thay bà Trần Thị Minh Anh.

+ Từ ngày 01/4/2016 ông Văn Quang Đức được bổ nhiệm giữ chức vụ Kế toán trưởng Công ty.

- Số lượng cán bộ, nhân viên: Số lượng cán bộ, nhân viên tại thời điểm ngày 01/01/2017 là 151 người. Công ty đã và đang thực hiện sắp xếp, bố trí lao động, cơ cấu lại tổ chức theo phương án tái cơ cấu nhằm xây dựng mô hình tổ chức theo hướng tinh gọn, chất lượng, hiệu quả phù hợp với thực tiễn hoạt động kinh doanh trong thời gian tới của Công ty.

3. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án:

- Đối với dự án khu nhà ở kết hợp dịch vụ thương mại tại Giáp Nhị: Rà soát, đánh giá lại hiện trạng của Dự án Khu nhà ở kết hợp dịch vụ thương mại tại ngõ 1, phố Phan Đình Giót, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, Hà Nội để xây dựng phương án đầu tư hiệu quả theo nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên 2016. Công ty đã báo cáo, xin ý kiến của Tổng công ty và đã được Tổng công ty phê duyệt chủ trương đầu tư tại văn bản số 2310/XMVN-HĐTV ngày 08/11/2016 với phương án lựa chọn đối tác thành lập pháp nhân đầu tư dự án.

- Đối với dự án đầu tư phương tiện vận tải: Công ty đang tiếp tục nghiên cứu và sẽ triển khai khi có điều kiện thích hợp.

4. Tình hình tài chính:

- Tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2015	Năm 2016	% tăng giảm
- Tổng giá trị tài sản	Triệu đồng	146.338	143.726	98,22
- Doanh thu thuần	Triệu đồng	1.062.511	1.257.437	118,35
- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Triệu đồng	12.566	4.974	39,59
- Lợi nhuận khác	Triệu đồng	1.540	6.647	431,74
- Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	14.105	11.622	82,39
- Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	10.971	9.251	84,33
- Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức dự kiến	%	5	5	100,00

- Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2015	Năm 2016	Tăng, giảm
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	*Lần*	2,80	3,20	0,39
+ Hệ số thanh toán nhanh Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	*Lần*	2,55	2,97	0,42

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2015	Năm 2016	Tăng, giảm
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
+ Hệ số Nợ /Tổng tài sản	*Lần*	0,36	0,32	-0,04
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	*Lần*	0,56	0,46	-0,10
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
+ Vòng quay hàng tồn kho Giá vốn hàng bán Hàng tồn kho bình quân	*Lần*	103,31	142,11	38,80
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	*Lần*	7,26	8,75	1,49
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	1,03	0,74	-0,30
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	11,68	9,40	-2,28
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	7,50	6,44	-1,06
+ Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	1,18	0,40	-0,79

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

a) Cổ phần: Tổng số cổ phần của Công ty đang lưu hành là 6.000.000 cổ phần phổ thông, không có cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng.

b) Cơ cấu cổ đông: Theo danh sách người sở hữu chứng khoán ngày 12/7/2016 do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cung cấp:

- Cổ đông lớn: Có 03 cổ đông lớn nắm giữ 4.568.414 cổ phần chiếm tỷ lệ 76,14% vốn điều lệ của Công ty.

- Cổ đông Nhà nước: Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam nắm giữ 3.578.614 cổ phần chiếm tỷ lệ 59,64% vốn điều lệ của Công ty.

- Cổ đông tổ chức: Có 05 cổ đông nắm giữ 4.029.983 cổ phần chiếm tỷ lệ 67,17% vốn điều lệ của Công ty.

+ Cổ đông tổ chức trong nước: Có 04 cổ đông nắm giữ 3.641.683 cổ phần chiếm tỷ lệ 60,69% vốn điều lệ của Công ty.

+ Cổ đông tổ chức nước ngoài: Có 01 cổ đông nắm giữ 388.300 cổ phần chiếm tỷ lệ 6,47% vốn điều lệ của Công ty.

- Cổ đông cá nhân: Có 422 cổ đông nắm giữ 2.033.017 cổ phần chiếm tỷ lệ 33,88% vốn điều lệ của Công ty.

+ Cổ đông cá nhân trong nước: Có 421 cổ đông nắm giữ 1.970.017 cổ phần chiếm tỷ lệ 32,83% vốn điều lệ của Công ty.

+ Cổ đông cá nhân nước ngoài: Không có cổ đông nào.

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu trong năm 2016: Không.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không.

e) Các chứng khoán khác: Không.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty:

a) Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

- Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không.
- Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không.

b) Chính sách liên quan đến người lao động:

- Số lượng lao động tại thời điểm 31/12/2016 là: 152 người.
- Tiền lương bình quân năm 2016: 9.955.000 đồng/người/tháng.
- Hoạt động đào tạo người lao động: Công ty cử CBCNV đi học các lớp đào tạo do Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam và các Công ty sản xuất xi măng tổ chức nhằm đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng, chuyên môn nghiệp vụ cho CBCNV của Công ty để nâng cao năng lực, đáp ứng tốt nhiệm vụ được giao.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc:

1. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2016:

a) Kinh doanh tiêu thụ xi măng:

Đơn vị tính: Tấn.

CHỦNG LOẠI XI MĂNG	MỤC TIÊU NĂM 2016	THỰC HIỆN MUA VÀO			THỰC HIỆN BÁN RA		
		Tổng số	% so với MT	% so với 2015	Tổng số	% so với MT	% so với 2015
Tổng số	**1.050.000**	**1.210.532**	**115,3**	**120,0**	**1.220.200**	**116,2**	**121,6**
- XM H. Thạch	700.000	779.169	111,3	117,7	784.475	112,1	119,6
- XM Bỉm Sơn	10.000	2.714	27,1	27,4	2.714	27,1	27,1
- XM Bút Sơn	300.000	258.303	86,1	84,5	262.645	87,5	85,8
- XM Hải Phòng	15.000	125.181	834,5	1.796,5	125.181	834,5	1.796,5
- XM Tam Điệp	25.000	45.165	180,7	187,9	45.185	180,7	187,9

b) Công tác tài chính năm 2016:

Đơn vị tính: Triệu đồng.

Chỉ tiêu	Mục tiêu	Thực hiện	% so với mục tiêu	% so với năm 2015
- Tổng doanh thu	1.108.719	1.272.648	114,8	118,8
- Nộp ngân sách	8.197	10.137	123,7	140,5
- Lợi nhuận trước thuế	8.770	11.621	132,5	82,4
- Tỷ lệ cổ tức dự kiến (%/năm)	5	5	100,0	100,0

c) Công tác lao động tiền lương năm 2016:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mục tiêu	Thực hiện	% so MT	% so 2015
- Lao động bình quân	người	160	160	100,0	82,9
- Tổng quỹ tiền lương	1.000 đồng	17.000.000	19.114.000	112,4	112,4
- Tiền lương bình quân	đ/người/tháng	8.854.000	9.955.000	112,4	138,3
- Thu nhập bình quân	đ/người/tháng	9.354.000	10.430.000	111,5	136,1

d) Công tác đầu tư xây dựng năm 2016:

- Đối với dự án khu nhà ở kết hợp dịch vụ thương mại tại Giáp Nhị: Rà soát, đánh giá lại hiện trạng của Dự án Khu nhà ở kết hợp dịch vụ thương mại tại ngõ 1, phố Phan Đình Giót, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, Hà Nội để xây dựng phương án đầu tư hiệu quả theo nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên 2016. Công ty đã báo cáo, xin ý kiến của Tổng công ty và đã được Tổng công ty phê duyệt chủ trương đầu tư tại văn bản số 2310/XMVN-HĐTV ngày 08/11/2016 với phương án lựa chọn đối tác thành lập pháp nhân đầu tư dự án.

- Đối với dự án đầu tư phương tiện vận tải: Công ty đang tiếp tục nghiên cứu và sẽ triển khai khi có điều kiện thích hợp.

e) Công tác đa dạng hóa kinh doanh: Công ty đã khai thác cơ sở vật chất sẵn có, tận dụng triệt để việc cho thuê kho, bãi, trụ sở Công ty, ... do đó đã tạo thêm nguồn thu cho Công ty, bổ sung thu nhập cho người lao động. Doanh thu thu được từ công tác kinh doanh cho thuê bất động sản và các dịch vụ khác năm 2016 là 8,0 tỷ đồng.

2. Đánh giá tình hình thực hiện mục tiêu sản xuất kinh doanh năm 2016:

- Về chỉ tiêu sản lượng, lợi nhuận: Hoàn thành mục tiêu đề ra.

- Về công tác thị trường và bán hàng:

+ Đã kịp thời sắp xếp, thay đổi mô hình tổ chức tiêu thụ; mở rộng, khai thác thêm khách hàng, tiếp nhận và quản lý các địa bàn, các NPP mới theo chính sách phân chia, ổn định địa bàn của các Công ty sản xuất xi măng; kịp thời điều chỉnh cơ chế, chính sách bán hàng phù hợp với diễn biến thị trường, qua đó đã đẩy mạnh việc tiêu thụ, đảm bảo mục tiêu. Tổ chức tốt việc chăm sóc khách hàng, hội nghị khách hàng theo kế hoạch hàng năm.

+ Phối hợp tốt với các Công ty sản xuất xi măng và các đơn vị vận tải để đảm bảo chân hàng đáp ứng nhu cầu tiêu thụ xi măng tại các địa bàn.

+ Tuy nhiên mạng lưới tiêu thụ tại một số địa bàn còn mỏng, công tác quản lý các đầu mối, khách hàng chưa sát.

- Công tác vận tải, bốc xếp: Mặc dù Công ty đã linh hoạt hơn trong công tác điều phối, phối hợp với các đơn vị vận tải, bốc xếp, thực hiện hỗ trợ chi phí đối với các phương tiện vận chuyển thủy trong những thời điểm thực hiện chiến dịch về sản lượng hoặc khi điều kiện vận chuyển gặp khó khăn; nhưng do Công ty không có phương tiện vận tải, bốc xếp nên trong điều hành, có lúc vẫn còn bất cập.

- Về quản lý tài chính, quản lý công nợ bán hàng, xử lý nợ khó đòi:

+ Công nợ có những chuyển biến tích cực, Công ty đã xây dựng được một số quy chế, quy trình nhằm giám sát chặt chẽ quá trình giao nhận hàng hóa và quản lý công nợ hiệu quả hơn.

- Về công tác tổ chức, lao động, tiền lương:

+ Đã kịp thời thực hiện sắp xếp, bố trí lao động, cơ cấu lại tổ chức theo phương án tái cơ cấu; tuy nhiên mới chỉ dừng ở điều chỉnh về mặt cơ học, chưa gắn với chức năng nhiệm vụ, mô tả công việc... do đó việc phân công lao động ở một số vị trí, bộ phận chưa hợp lý.

+ Đảm bảo tiền lương, thu nhập của người lao động tăng so với năm 2015; nhưng chưa xây dựng lại cơ chế về tiền lương phù hợp với mô hình tổ chức mới, việc phân phối chưa khuyến khích người lao động.

- Về quản trị nội bộ:

+ Trước việc thay đổi mô hình tổ chức theo phương án tái cơ cấu, Công ty đã xây dựng được một số các quy định, quy chế về quản lý tài chính, quản lý công nợ, quản lý bán hàng... để phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty trong giai đoạn hiện nay.

+ Đã triển khai xây dựng, ứng dụng CNTT trong công tác bán hàng, quản lý khách hàng, quản lý công nợ.

3. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài sản: Năm 2016 tổng cộng tài sản giảm so với năm 2015 là 2,612 tỷ đồng do các chỉ tiêu như là tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu ngắn hạn giảm so với cùng kỳ. Nợ phải thu xấu đã được Công ty trích lập dự phòng theo quy định.

b) Tình hình nợ phải trả: Năm 2016 nợ phải trả giảm so với năm 2015 là 7,096 tỷ đồng do các chỉ tiêu như là phải trả người bán ngắn hạn, thuế và các khoản phải nộp Nhà nước giảm so với cùng kỳ. Công ty không có nợ phải trả xấu, không bị ảnh hưởng chênh lệch của tỉ giá hối đoái.

4. Nhiệm vụ, mục tiêu năm 2017:

a) Kinh doanh tiêu thụ xi măng:

Tổng số : 1.300.000 tấn

Trong đó:

- Xi măng Hoàng Thạch : 860.000 tấn.
- Xi măng Bỉm Sơn : 10.000 tấn.
- Xi măng Bút Sơn : 325.000 tấn.
- Xi măng Hải Phòng : 70.000 tấn.
- Xi măng Tam Điệp : 35.000 tấn.

b) Công tác tài chính năm 2017:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mục tiêu
- Tổng doanh thu	triệu đồng	1.294.985
- Nộp ngân sách	triệu đồng	8.100
- Lợi nhuận trước thuế	triệu đồng	9.059
- Tỷ lệ cổ tức dự kiến	% / năm	5

c) Công tác lao động tiền lương năm 2017:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mục tiêu
- Tổng quỹ tiền lương	1.000 đồng	19.114.000
- Tiền lương bình quân	đồng/người/tháng	10.618.000
- Thu nhập bình quân	đồng/người/tháng	11.118.000

5. Những biện pháp chủ yếu thực hiện mục tiêu năm 2017:

Để thực hiện được các mục tiêu nhiệm vụ năm 2017 trong điều kiện phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, Công ty cần tập trung chỉ đạo và tổ chức thực hiện tốt những biện pháp chủ yếu sau đây:

- Thực hiện nghiêm sự chỉ đạo của Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam, tăng cường mối quan hệ hợp tác với các Công ty sản xuất. Thường xuyên trao đổi thông tin để phối hợp quản lý kiểm soát chặt chẽ xi măng về đúng địa bàn, hạn chế đến mức thấp nhất việc cạnh tranh nội bộ, tạo nên sự bình đẳng trong kinh doanh đem lại hiệu quả sản xuất kinh doanh cho Công ty.

- Căn cứ vào mục tiêu sản xuất kinh doanh của Công ty, xây dựng mục tiêu sản xuất kinh doanh cho từng đơn vị và xác định thị phần mà các đơn vị nắm giữ trên từng địa bàn để đảm bảo sản lượng tiêu thụ đạt và vượt mục tiêu Công ty giao cho.

- Từng bước chủ động trong khâu tổ chức, quản lý phương tiện vận tải và nguồn xi măng về địa bàn. Theo dõi sát diễn biến của thị trường, điều chỉnh cơ chế hợp lý, phù hợp với thị trường nhằm đẩy mạnh sản lượng tiêu thụ và nâng cao hiệu quả kinh doanh của Công ty.

- Tăng cường và củng cố mối quan hệ với khách hàng và bạn hàng truyền

thống thông qua việc thăm hỏi, giao lưu để giữ được bạn hàng. Tiết kiệm triệt để chi phí quản lý, chi phí bán hàng để nâng cao hiệu quả kinh doanh của Công ty.

- Từng bước cải tiến cơ cấu tổ chức, cơ chế và phương thức kinh doanh để phù hợp với diễn biến thị trường. Tăng cường công tác kiểm tra kỷ luật lao động. Đôn đốc công tác thu hồi công nợ, đặc biệt đối với số nợ tồn đọng để thu hồi vốn về cho Công ty. Tiếp tục thực hiện công tác định biên và sắp xếp lại lao động tại các đơn vị theo hướng tinh gọn, hiệu lực và hiệu quả trong công việc.

- Nghiên cứu triển khai phương án kinh doanh xi măng đảm bảo tính chủ động, gọn nhẹ, hiệu quả và phù hợp với xu thế thị trường trong thời gian tới.

- Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chức năng tập trung giải quyết dứt điểm số công nợ tồn đọng lâu để thu hồi vốn cho Công ty.

- Tập trung khai thác có hiệu quả cơ sở vật chất hiện có của Công ty tại Hà Nội và các tỉnh.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:

1. Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm 2016 và tình hình thực hiện so với mục tiêu:

- Sản lượng xi măng tiêu thụ : 1.220.200 tấn đạt 116,2% mục tiêu.
- Tổng doanh thu : 1.272.648 tỷ đồng đạt 114,8% mục tiêu.
- Nộp ngân sách : 10,137 tỷ đồng đạt 123,7% mục tiêu.
- Lợi nhuận trước thuế : 11,621 tỷ đồng đạt 132,5% mục tiêu.
- Cổ tức dự kiến : 5 % / năm đạt 100 % mục tiêu.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty:

- Hội đồng quản trị Công ty đã hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ quy định tại Điều lệ Công ty, tạo điều kiện để Ban điều hành Công ty chủ động điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty với mục tiêu phấn đấu hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Hội đồng quản trị Công ty thường xuyên giám sát hoạt động của Giám đốc và Ban điều hành Công ty thông qua các báo cáo họp giao ban hàng tháng, quý, năm của Giám đốc; Thông qua các báo cáo của Giám đốc trong các phiên họp của Hội đồng quản trị; Thông qua báo cáo một số công việc trọng yếu của Công ty; Thông qua kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Trong năm 2016 Giám đốc và Ban điều hành Công ty đã chấp hành và thực hiện tốt các Nghị quyết của Hội đồng quản trị, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016, tập trung điều hành sản xuất kinh doanh. Kết quả năm 2016 Công ty đã thực hiện nộp ngân sách theo đúng quy định, chỉ tiêu sản lượng và lợi nhuận đều vượt so với mục tiêu, thu nhập của CBCNV được cải thiện, tăng so với năm 2015.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

Nhằm phấn đấu hoàn thành mục tiêu năm 2017 và các năm tiếp theo, Hội đồng quản trị cùng Ban Giám đốc Công ty cần tập trung chỉ đạo và giải quyết những vấn đề sau:

- Tiếp tục ổn định và đẩy mạnh việc kinh doanh xi măng, tìm mọi biện pháp để chỉ đạo thực hiện hoàn thành mục tiêu sản xuất kinh doanh năm 2017. Đảm bảo tỷ lệ cổ tức chi trả cho các cổ đông theo mục tiêu Công ty xây dựng được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

- Tập trung chỉ đạo công tác đầu tư xây dựng theo đúng chủ trương đề ra.

- Tiếp tục chỉ đạo xây dựng các quy chế quản lý nội bộ, rà soát chi phí, thực hiện tiết kiệm để có điều kiện giảm chi phí bán hàng, nâng cao hiệu quả kinh doanh và khả năng cạnh tranh của công ty.

- Tiếp tục thực hiện tái cơ cấu Công ty theo hướng xây dựng mô hình tổ chức phù hợp với thực tiễn hoạt động kinh doanh trong thời gian tới. Định biên, sắp xếp, bố trí lại nhân sự theo hướng tinh gọn, chất lượng, hiệu quả; Xây dựng hệ thống phân phối tiền lương, hệ thống đánh giá nhân viên gắn với năng suất và hiệu quả công việc. Tiếp tục cải tiến cơ chế và phương thức kinh doanh của Công ty, thường xuyên đôn đốc, kiểm tra công tác kỷ luật lao động, công tác quản lý tiền, hàng và thu hồi công nợ, không để xảy ra tình trạng công nợ dây dưa kéo dài, khó đòi.

- Tiếp tục thực hiện đầy đủ chính sách, giải quyết tốt việc làm, thu nhập và đời sống đối với người lao động. Từng bước thực hiện việc đào tạo, đào tạo lại để nâng cao năng lực, trình độ CB.CNV ở các cấp đáp ứng yêu cầu công việc.

V. Quản trị Công ty:

1. Hội đồng quản trị:

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

- Ông Lê Nam Khánh - Chủ tịch Hội đồng quản trị - Thành viên độc lập.

Số cổ phần đại diện nắm giữ: 1.800.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 30 % vốn điều lệ của Công ty.

- Ông Ngô Đức Lưu - Thành viên Hội đồng quản trị - Giám đốc Công ty.

Số cổ phần đại diện nắm giữ: 1.080.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 18 % vốn điều lệ của Công ty.

- Ông Văn Quang Đức - TV Hội đồng quản trị - Kế toán trưởng Công ty.

Số cổ phần đại diện nắm giữ: 698.614 cổ phần, chiếm tỷ lệ 11,64 % vốn điều lệ của Công ty.

- Bà Phan Thị Tố Oanh - TV Hội đồng quản trị - Phó phòng Bán hàng.

Số cổ phần sở hữu: 11.700 cổ phần chiếm tỷ lệ 0,195 % vốn điều lệ của Công ty.

- Ông Đỗ Ngọc Thạch - TV HĐ quản trị - Thành viên không điều hành.

Số cổ phần sở hữu: 601.500 cổ phần chiếm tỷ lệ 10,025 % vốn điều lệ của Công ty.

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không thành lập các tiểu ban.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- ***Hội đồng quản trị Công ty đã họp 04 phiên định kỳ:***

+ Ngày 27/01/2016 Hội đồng quản trị Công ty đã họp phiên họp định kỳ quý 4/2015: Biên bản họp số 57/BB-HĐQT ngày 27/01/2016.

+ Ngày 27/01/2016 Hội đồng quản trị Công ty đã họp bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị Công ty: Biên bản họp số 70/BB-HĐQT ngày 27/01/2016.

+ Ngày 27/01/2016 Hội đồng quản trị Công ty đã họp bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty: Biên bản họp số 71/BB-HĐQT ngày 27/01/2016.

+ Ngày 25/3/2016 Hội đồng quản trị Công ty đã họp phiên họp định kỳ quý 1/2016: Biên bản họp số 262/BB-HĐQT ngày 25/3/2016.

+ Ngày 05/7/2016 Hội đồng quản trị Công ty đã họp phiên họp định kỳ quý 2/2016: Biên bản họp số 662/BB-HĐQT ngày 05/7/2016.

+ Ngày 20/10/2016 Hội đồng quản trị Công ty đã họp phiên họp định kỳ quý 3/2016: Biên bản họp số 1014/BB-HĐQT ngày 20/10/2016.

- ***Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành 15 Nghị quyết:***

Số	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
01	29/NQ-HĐQT	14/01/2016	Thỏa thuận Bổ nhiệm Kế toán trưởng Công ty cổ phần Vicem Thương mại xi măng.
02	58/NQ-HĐQT	27/01/2016	Kết quả sản xuất kinh doanh quý 4 và năm 2015. Mục tiêu, chương trình công tác quý 1 và năm 2016.
03	72/NQ-HĐQT	27/01/2016	Miễn nhiệm và bầu bổ sung Thành viên HĐQT Công ty. Miễn nhiệm và bầu Chủ tịch HĐQT Công ty.
04	78/NQ-HĐQT	29/01/2016	Phân công nhiệm vụ của các thành viên Hội đồng quản trị.
05	103/NQ-HĐQT	04/02/2016	Thanh lý tài sản trên đất tại 357 Đường Mê Linh, Phường Liên Bảo, Thành phố Vĩnh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc.
06	263/NQ-HĐQT	25/3/2016	Nội dung Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016. Tình hình sản xuất kinh doanh quý 1 và mục tiêu, chương trình công tác quý 2 năm 2016.
07	285/NQ-HĐQT	01/4/2016	Xử lý công nợ của Bà Nguyễn Thị Kim Oanh.
08	415/NQ-HĐQT	29/4/2016	Phê duyệt Kế hoạch tuyển dụng lao động.
09	562/NQ-HĐQT	10/6/2016	Đề nghị Tổng công ty CNXMVN thỏa thuận Bổ nhiệm lại Phó Giám đốc Công ty.
10	625/NQ-HĐQT	24/6/2016	Lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ kiểm toán

Số	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
			Báo cáo tài chính năm 2016.
11	630/NQ-HĐQT	28/6/2016	Giao nhiệm vụ cho cán bộ
12	663/NQ-HĐQT	05/7/2016	Nghị quyết phiên họp định kỳ quý 2 năm 2016
13	803/NQ-HĐQT	24/8/2016	Ủy quyền Ban hành một số quy chế, quy định trong quản lý bán hàng, công nợ
14	1015/NQ-HĐQT	20/10/2016	Nghị quyết phiên họp định kỳ quý 3 năm 2016
15	1248/NQ-HĐQT	06/12/2016	Chủ trương mua xe ô tô con để phục vụ nhu cầu kinh doanh

- ***Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành 12 quyết định:***

Số	Số Quyết định	Ngày	Nội dung
01	183/QĐ-TMXM	10/3/2016	Thành lập Ban tổ chức chuẩn bị Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016.
02	259/QĐ-TMXM	24/3/2016	Bổ nhiệm Kế toán trưởng Công ty cổ phần Vicem Thương mại xi măng từ ngày 01/4/2016.
03	599/QĐ-TMXM	21/6/2016	Trả cổ tức năm 2015
04	684/QĐ-TMXM	18/7/2016	Thành lập Ban chỉ đạo rà soát, hiệu chỉnh chiến lược kế hoạch 5 năm 2016 - 2020
05	767/QĐ-TMXM	08/8/2016	Bổ nhiệm lại Phó Giám đốc Công ty
06	1106/QĐ-TMXM	10/11/2016	Thành lập Hội đồng xử lý kỷ luật
07	1189/QĐ-TMXM	24/11/2016	Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Vicem Thương mại xi măng
08	1238 a /QĐ-TMXM	01/12/2016	Thành lập Hội đồng Thi đua khen thưởng Công ty
09	1387-->1390/QĐ-TMXM	30/12/2016	Thi hành kỷ luật "Khiển trách" đối với một số cán bộ Công ty.

- ***Nội dung các cuộc họp Hội đồng quản trị:*** Kiểm điểm việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh trong quý, năm, xây dựng mục tiêu, chương trình công tác quý sau, năm sau; Thông qua các nội dung Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm; Phân tích, thảo luận và đi đến thống nhất quyết định các vấn đề về nhân sự, về sản xuất kinh doanh và các vấn đề khác của Công ty.

2. Ban Kiểm soát:

a) Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát:

- Bà Trần Thị Hải Ngà - Trưởng ban.

  Số cổ phần sở hữu: 1.000 cổ phần chiếm tỷ lệ 0,016 % vốn điều lệ của Công ty.

- Bà Tô Thị Minh Phượng - Thành viên Ban Kiểm soát.

  Số cổ phần sở hữu: 600 cổ phần chiếm tỷ lệ 0,01 % vốn điều lệ của Công ty.

- Bà Lê Thị Thu Hà - Thành viên Ban Kiểm soát.

  Số cổ phần sở hữu: 0 cổ phần.

b) Hoạt động của Ban Kiểm soát:

- Ban Kiểm soát đã tổ chức các cuộc họp định kỳ và tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị Công ty. Ban Kiểm soát đã tiến hành kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật trong việc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc Công ty năm 2016.

- Số lượng các cuộc họp Ban Kiểm soát: 03 buổi.

- Nội dung các cuộc họp Ban Kiểm soát:

+ Giám sát trình tự thủ tục ban hành các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc.

+ Giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 đối với Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc.

+ Thẩm định báo cáo tài chính bán niên và năm tài chính 2016 đã được Công ty TNHH An Việt thực hiện kiểm toán độc lập.

+ Giám sát tình hình công nợ đến 31/12/2016, Bản đối chiếu công nợ, xác nhận nợ.

+ Một số nhiệm vụ khác phát sinh trong năm.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát:

a) Các khoản thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Giám đốc và Ban Kiểm soát:

- Thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị: Trong năm 2016 tiền thù lao đã chi đối với các thành viên Hội đồng quản trị Công ty đúng như mức thù lao đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, tổng số tiền đã chi là 222.000.000 đồng.

- Thù lao của các thành viên Ban Kiểm soát: Trong năm 2016 tiền thù lao đã chi đối với các thành viên Ban Kiểm soát Công ty đúng như mức thù lao đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, tổng số tiền đã chi là 90.000.000 đồng.

- Quỹ tiền lương năm 2016 của Giám đốc Công ty cổ phần Vicem Thương mại xi măng là 467,87 triệu đồng.

- Thù lao cho từng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát:

+ Chủ tịch Hội đồng quản trị : 4.000.000 đồng/tháng.

+ Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Cty : 4.000.000 đồng/tháng.

+ Thành viên Hội đồng quản trị : 3.500.000 đồng/người/tháng.
+ Trưởng Ban kiểm soát : 3.500.000 đồng/tháng.
+ Thành viên Ban kiểm soát : 2.000.000 đồng/người/tháng.

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

Giao dịch của cổ đông lớn:

TT	Tên cổ đông (Tổ chức, cá nhân)	Số CP nắm giữ trước khi giao dịch	Tỷ lệ %	Giao dịch trong kỳ				Số CP nắm giữ sau khi giao dịch	Tỷ lệ %	Ghi chú
				Mua		Bán				
				Ngày mua	Số lượng CP	Ngày bán	Số lượng CP			
1	AMERICA LLC							388.300	6,47	DS cổ đông chốt ngày 22/03/2016
2	AMERICA LLC	402.700	6,71	15/11/16	76.800			479.500	7,99	
3	AMERICA LLC	479.500	7,99	16/11/16	900			480.400	8,01	

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không.

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Công ty tuân thủ và thực hiện đúng các quy định về quản trị Công ty.

VI. Báo cáo tài chính:

1. Ý kiến kiểm toán: Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Vicem Thương mại xi măng tại ngày 31/12/2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (***Có toàn văn Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán kèm theo***).

***Nơi nhận*:**
- Như trên;
- Các thành viên HĐQT;
- Ban Giám đốc;
- TB. Kiểm soát;
- Website của Cty;
- Lưu: VT, T.ký Cty.

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM THƯƠNG MẠI XI MĂNG

Ngô Đức Lưu

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM THƯƠNG MẠI XI MĂNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Hà Nội, tháng 03 năm 2017

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 26

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vicem Thương mại Xi măng (gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Lê Nam Khánh	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 27/01/2016)
Bà Trần Minh Anh	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 27/01/2016)
Ông Ngô Đức Lưu	Ủy viên
Ông Văn Quang Đức	Ủy viên
Bà Phan Thị Tố Oanh	Ủy viên
Ông Đỗ Ngọc Thạch	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Ngô Đức Lưu	Giám đốc
Ông Đặng Phúc Tân	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết lập và thực hiện kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính được lập và trình bày tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM THƯƠNG MẠI XI MĂNG

Ngô Đức Lưu
Giám đốc
Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2017

anviet
Certified Public Accountants
Tầng 12, tòa nhà 167 Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
W www.anvietcpa.com T (84-4) 6278 2904
E anviet@anvietcpa.com F (84-4) 6278 2905

Số: 35 /2017/BCKT-AVI-TC1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các cổ đông**
Hội đồng quản trị và Ban giám đốc
Công ty Cổ phần Vicem Thương mại Xi măng

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Vicem Thương mại Xi măng ("gọi tắt là Công ty") được lập ngày 10/03/2017 và được trình bày từ trang 04 đến trang 26, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KIỂM TOÁN AN VIỆT

Vũ Bình Minh
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
0034-2015-055-1

Ngô Việt Thanh
Kiểm toán viên
Số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
1687-2015-055-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT
Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2017

Thành viên độc lập của GMN International

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU SỐ B01 - DN
Đơn vị tính: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
A -	**TÀI SẢN NGẮN HẠN**	**100**		**138.671.247.734**	**141.199.415.570**
I.	**Tiền và các khoản tương đương tiền**	**110**	**5**	**28.057.782.696**	**53.072.727.541**
1.	Tiền	111		28.057.782.696	43.072.727.541
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	10.000.000.000
II.	**Đầu tư tài chính ngắn hạn**	**120**		**33.000.000.000**	-
1.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	33.000.000.000	-
III.	**Các khoản phải thu ngắn hạn**	**130**		**67.618.014.361**	**75.487.315.185**
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	95.927.025.802	101.113.452.220
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		8.662.911.911	10.521.766.244
3.	Phải thu ngắn hạn khác	136	8	875.681.323	648.474.313
4.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(37.847.604.675)	(36.796.377.592)
IV.	**Hàng tồn kho**	**140**	**11**	**9.893.611.279**	**12.639.372.844**
1.	Hàng tồn kho	141		9.893.611.279	12.639.372.844
V.	**Tài sản ngắn hạn khác**	**150**		**101.839.398**	-
1.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	101.839.398	-
B -	**TÀI SẢN DÀI HẠN**	**200**		**5.054.575.825**	**5.138.396.424**
II.	**Tài sản cố định**	**220**		**3.663.076.762**	**3.862.997.361**
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	12	3.663.076.762	3.682.997.361
	- Nguyên giá	*222*		*18.827.699.682*	*18.901.242.822*
	- Giá trị hao mòn luỹ kế	*223*		*(15.164.622.920)*	*(15.218.245.461)*
2.	Tài sản cố định vô hình	227	14	-	180.000.000
	- Nguyên giá	*228*		*135.000.000*	*315.000.000*
	- Giá trị hao mòn luỹ kế	*229*		*(135.000.000)*	*(135.000.000)*
IV.	**Tài sản dở dang dài hạn**	**240**		**1.391.499.063**	**1.275.399.063**
1.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	1.391.499.063	1.275.399.063
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**143.725.823.559**	**146.337.811.994**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU SỐ B01 - DN
Đơn vị tính: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
C -	**NỢ PHẢI TRẢ**	**300**		**45.333.456.023**	**52.429.900.814**
I.	**Nợ ngắn hạn**	**310**		**43.396.344.661**	**50.385.300.814**
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	30.108.815.197	39.394.853.884
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.701.591.916	684.643.290
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	745.905.719	2.714.407.526
4.	Phải trả người lao động	314		8.230.122.371	5.136.505.371
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	1.126.834.025	1.958.865.678
6.	Phải trả ngắn hạn khác	319	18	892.169.660	496.025.065
7.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		590.905.773	-
II.	**Nợ dài hạn**	**330**		**1.937.111.362**	**2.044.600.000**
1.	Phải trả dài hạn khác	337	18	1.937.111.362	2.044.600.000
D -	**VỐN CHỦ SỞ HỮU**	**400**		**98.392.367.536**	**93.907.911.180**
I.	**Vốn chủ sở hữu**	**410**	**19**	**98.392.367.536**	**93.907.911.180**
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		60.000.000.000	60.000.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*60.000.000.000*	*60.000.000.000*
2.	Quỹ đầu tư phát triển	418		22.090.195.705	16.022.338.542
3.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		3.252.394.869	3.252.394.869
4.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		13.049.776.962	14.633.177.769
	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	*421a*		*3.798.653.939*	*3.662.675.509*
	- LNST chưa phân phối năm nay	*421b*		*9.251.123.023*	*10.970.502.260*
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**143.725.823.559**	**146.337.811.994**

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2017

Người lập	Kế toán trưởng	Giám đốc
Đặng Thành Công	Văn Quang Đức	Ngô Đức Lưu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

MẪU SỐ B02- DN

Đơn vị tính: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
1.	**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**01**	**21**	**1.299.121.051.086**	**1.082.729.272.625**
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	22	41.684.307.754	20.218.397.463
3.	**Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**10**		**1.257.436.743.332**	**1.062.510.875.162**
4.	Giá vốn hàng bán	11	23	1.218.721.100.778	1.016.126.334.121
5.	**Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**20**		**38.715.642.554**	**46.384.541.041**
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	3.424.961.243	3.683.549.139
7.	Chi phí tài chính	22		-	-
8.	Chi phí bán hàng	25	25	19.010.523.387	15.462.756.194
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	18.155.609.057	22.039.623.946
10.	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**	**30**		**4.974.471.353**	**12.565.710.040**
11.	Thu nhập khác	31	27	11.785.818.996	5.000.981.855
12.	Chi phí khác	32	28	5.138.582.610	3.461.330.023
13.	**Lợi nhuận khác**	**40**		**6.647.236.386**	**1.539.651.832**
14.	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**	**50**		**11.621.707.739**	**14.105.361.872**
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	2.370.584.716	3.134.859.612
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	**Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp**	**60**		**9.251.123.023**	**10.970.502.260**
18.	**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**	**70**	**30**	**1.542**	**1.534**
19.	**Lãi suy giảm trên cổ phiếu**	**71**		**1.542**	**1.534**

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2017

Người lập	Kế toán trưởng	Giám đốc
Đặng Thành Công	Văn Quang Đức	Ngô Đức Lưu

M.S.D.N: 0100105694 - C.T.C.P. CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM THƯƠNG MẠI XI MĂNG Q.THANH XUÂN - T.P

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

MẪU SỐ B03 - DN

Đơn vị tính: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2016	Năm 2015
I.	**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**			
1.	**Lợi nhuận trước thuế**	01	**11.621.707.739**	**14.105.361.872**
2.	**Điều chỉnh cho các khoản**			
	- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	513.567.777	543.037.408
	- Các khoản dự phòng	03	1.051.227.083	6.968.945.548
	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(5.666.671.237)	(1.043.814.739)
3.	**Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động**	08	**7.519.831.362**	**20.573.530.089**
	- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	6.368.307.116	1.344.445.469
	- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	2.745.761.565	(6.451.046.338)
	- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(5.785.280.728)	(34.638.376.882)
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(4.314.013.652)	(1.584.460.000)
	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(729.292.000)	(703.857.273)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	**5.805.313.663**	**(21.459.764.935)**
II.	**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ**			
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(1.137.318.182)	(193.500.000)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	4.566.363.636	-
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(33.000.000.000)	-
4.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.709.336.938	1.043.814.739
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	**(27.861.617.608)**	**850.314.739**
III.	**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**			
1.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2.958.640.900)	(2.976.305.825)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	**(2.958.640.900)**	**(2.976.305.825)**
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	**(25.014.944.845)**	**(23.585.756.021)**
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	**53.072.727.541**	**76.658.483.562**
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá ngoại tệ	61	-	-
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	**28.057.782.696**	**53.072.727.541**

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2017

Người lập	Kế toán trưởng	Giám đốc
Đặng Thành Công	Văn Quang Đức	Ngô Đức Lưu

M.S.D.N: 0100105694 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM THƯƠNG MẠI XI MĂNG - Q.THANH XUÂN - T.P

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vicem Thương mại Xi măng hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu ngày 02/07/2007 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100105694 thay đổi lần thứ 7 ngày 04/04/2016.

Vốn điều lệ là 60.000.000.000 VND, mệnh giá cổ phần là 10.000 VND. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết và giao dịch trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu là TMX.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Cung ứng và quản lý nguồn lao động;
- Đại lý du lịch;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Buôn bán thực phẩm.
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu; kinh doanh vật tư, thiết bị, phụ tùng, phụ gia, bao bì (phục vụ sản xuất xi măng, dân dụng và công nghiệp);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Kinh doanh các mặt hàng điện tử, điện máy, điện lạnh, ôtô, xe máy, xe đạp;
- Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu;
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Vận tải hành khách ven biển và viễn dương;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc công ty

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 348 Đường Giải Phóng, Phương Liệt, Thanh Xuân, Hà Nội. Công ty có một Đơn vị trực thuộc là Chi nhánh Thái Nguyên tại Phường Phú Xá, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên hoạt động bán xi măng. Toàn bộ hoạt động của Chi nhánh Thái Nguyên được hạch toán tập trung tại Văn phòng Công ty (không lập báo cáo tài chính riêng của Chi nhánh).

2. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ một số thông tin liên quan đến lưu chuyển tiền tệ), theo nguyên tắc giá gốc, dựa trên giả thiết hoạt động liên tục.

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán, bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, được ghi nhận phù hợp với quy định của chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng, xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác;
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm: Phải thu về lãi cho vay, lãi tiền gửi; các khoản đã chi hộ; các khoản bên nhận ủy thác xuất khẩu phải thu hộ cho bên giao ủy thác; phải thu về tiền phạt, bồi thường; các khoản tạm ứng; cầm cố, ký cược, ký quỹ, cho mượn tài sản...

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản phải thu để phân loại là phải thu dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ trên sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị giải thể, phá sản hay các khó khăn tương tự phù hợp với quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành, chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng tại ngày kết thúc niên độ kế toán, được trích lập phù hợp với quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu chúng thực sự cải thiện trạng thái hiện tại so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó, như:

- Thay đổi bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng thời gian sử dụng hữu ích, hoặc làm tăng công suất sử dụng của chúng; hoặc
- Cải tiến bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng đáng kể chất lượng sản phẩm sản xuất ra; hoặc
- Áp dụng quy trình công nghệ sản xuất mới làm giảm chi phí hoạt động của tài sản so với trước.

Các chi phí phát sinh để sửa chữa, bảo dưỡng nhằm mục đích khôi phục hoặc duy trì khả năng đem lại lợi ích kinh tế của tài sản theo trạng thái hoạt động tiêu chuẩn ban đầu, không thỏa mãn một trong các điều kiện trên, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản phù hợp với khung khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian khấu hao cụ thể của các loại tài sản cố định như sau:

	Năm
Nhà cửa vật kiến trúc	10 - 50
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07 - 10
Thiết bị quản lý	03 - 06

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc, phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Việc khấu hao các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán;

- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm: Phải trả về lãi vay; cổ tức và lợi nhuận phải trả; chi phí hoạt động đầu tư tài chính phải trả; các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ; mượn tài sản; phải trả về tiền phạt, bồi thường; tài sản phát hiện thừa chưa rõ nguyên nhân; phải trả về các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn; các khoản nhận ký cược, ký quỹ…

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản nợ phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng xảy ra, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về các khoản chi phí thực tế phải trả, số tiền phải trả cho các dịch vụ đã sử dụng trong năm do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, bao gồm: Chi phí bán hàng và các khoản chi phí dịch vụ mua ngoài phải trả khác.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cho thuê bất động sản được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm: lãi tiền gửi và các khoản chiết khấu thanh toán… Cụ thể như sau:

- Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng theo thông báo của ngân hàng;

- Chiết khấu thanh toán được ghi nhận theo thông báo của các nhà cung cấp trên cơ sở chính sách bán hàng của nhà cung cấp từng giai đoạn và số tiền Công ty trả trước cho các nhà cung cấp.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty xác định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định phân loại các nợ phải trả tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, nợ phải trả tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác, vay và nợ thuê tài chính.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính được phản ánh theo giá trị hợp lý. Trường hợp chưa có quy định về việc xác định lại giá trị hợp lý của các công cụ tài chính thì trình bày theo giá trị ghi sổ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán, nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan với Công ty nếu có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động hoặc có chung các thành viên quản lý chủ chốt hoặc cùng chịu sự chi phối của một công ty khác (cùng thuộc Tổng công ty).

Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này (bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột).

Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty: những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.

Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu ở trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc thông qua việc này người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, bao gồm những doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Công ty và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Tiền mặt	2.528.325.000	5.547.614.000
Tiền gửi ngân hàng	25.529.457.696	37.525.113.541
Các khoản tương đương tiền	-	10.000.000.000
Cộng	**28.057.782.696**	**53.072.727.541**

6. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Tiền gửi có kỳ hạn tại Công ty tài chính xi măng	25.000.000.000	-
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Nam Hà Nội	8.000.000.000	-
Cộng	**33.000.000.000**	**-**

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Chi nhánh Tổng Công ty Thành An - Công ty TNHH MTV XN Thành An	3.059.187.900	3.359.187.900
Công ty Cổ phần Cầu 7 Thăng Long	3.827.451.570	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ thương mại và Xây dựng Nhật Anh	2.619.624.830	2.882.564.830
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ vận tải An Châu	9.307.239.099	3.326.960.073
Công ty TNHH Ly Tùng	3.483.088.754	3.102.317.981
Công ty TNHH Thương mại Tổng hợp và xây dựng Thành Nam	4.052.438.485	3.657.881.555
Công ty TNHH Thương mại và XD Vượng Anh	4.642.326.183	-
Công ty TNHH Tùng Nam	4.671.180.250	4.991.180.250
Lê Thị Thu Khuyên - CH80 (Nguyễn Cao Tiến)	2.964.594.029	3.140.594.029
Nguyễn Cao Sơn - CH65	5.183.454.449	5.183.454.449
Nguyễn Quý Anh - CH23	3.292.512.347	3.260.389.592
Vũ Thị Hoài - CH11	952.514.232	3.889.443.232
Các khách hàng khác	47.871.413.674	64.319.478.329
Cộng	**95.927.025.802**	**101.113.452.220**

8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tiền hỗ trợ tiêu thụ xi măng, Công ty TNHH MTV Xi măng Tam Điệp	134.802.840	-	-	-
Phải thu thuế Thu nhập cá nhân	367.364.308	-	295.211.511	-
Phải thu khác	373.514.175	-	353.262.802	-
Cộng	**875.681.323**	**-**	**648.474.313**	**-**

9. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Số dư đầu năm	**(36.796.377.592)**	**(29.827.432.044)**
Trích lập dự phòng	(5.443.602.388)	(6.968.945.548)
Hoàn nhập dự phòng	4.392.375.305	-
Số dư cuối năm	**(37.847.604.675)**	**(36.796.377.592)**

10. NỢ XẤU

	31/12/2016				01/01/2016			
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
	Năm	VND	VND	VND	Năm	VND	VND	VND
Công ty TNHH Sản xuất vật liệu mới Á Âu	Trên 3 năm	7.417.003.850	-	7.417.003.850	Trên 3 năm	7.417.003.850	-	7.417.003.850
Công ty TNHH MTV Thành An	Trên 3 năm	3.059.187.900	-	3.059.187.900	Trên 3 năm	3.359.187.900	-	3.359.187.900
Nguyễn Cao Sơn	Trên 3 năm	5.183.454.449	-	5.183.454.449	Trên 3 năm	5.183.454.449	-	5.183.454.449
Hoàng Thị Loan	Trên 3 năm	1.565.000.000	-	1.565.000.000	Trên 3 năm	1.574.066.842	-	1.574.066.842
Lê Thị Thu Khuyên (Nguyễn Cao Tiến)	Trên 3 năm	2.964.594.029	-	2.964.594.029	Trên 3 năm	3.140.594.029	942.178.209	2.198.415.820
Công ty TNHH XNK Xây dựng và thương mại Việt Nam	Trên 3 năm	1.717.046.100	-	1.717.046.100	Trên 3 năm	1.717.046.100	-	1.717.046.100
Các khách hàng khác		20.693.270.874	4.751.952.527	15.941.318.347		17.840.876.781	2.493.674.150	15.347.202.631
Cộng		**42.599.557.202**	**4.751.952.527**	**37.847.604.675**		**40.232.229.951**	**3.435.852.359**	**36.796.377.592**

11. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng đang đi trên đường	5.585.384.025	-	11.625.354.804	-
Hàng hóa	4.308.227.254	-	1.014.018.040	-
Cộng	**9.893.611.279**	**-**	**12.639.372.844**	**-**

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2016	**16.898.771.765**	**1.825.067.281**	**177.403.776**	**18.901.242.822**
Mua trong năm	-	1.021.218.182	-	1.021.218.182
Thanh lý, nhượng bán	(1.094.761.322)	-	-	(1.094.761.322)
Tại ngày 31/12/2016	**15.804.010.443**	**2.846.285.463**	**177.403.776**	**18.827.699.682**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2016	**13.444.581.590**	**1.596.260.095**	**177.403.776**	**15.218.245.461**
Khấu hao trong năm	391.456.136	122.111.641	-	513.567.777
Thanh lý, nhượng bán	(567.190.318)	-	-	(567.190.318)
Tại ngày 31/12/2016	**13.268.847.408**	**1.718.371.736**	**177.403.776**	**15.164.622.920**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2016	**3.454.190.175**	**228.807.186**	**-**	**3.682.997.361**
Tại ngày 31/12/2016	**2.535.163.035**	**1.127.913.727**	**-**	**3.663.076.762**
Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao còn sử dụng	*7.815.288.093*	*888.437.186*	*177.403.776*	*8.881.129.055*

13. XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Dự án chung cư cao tầng Giáp Nhị (1)	881.899.063	881.899.063
Dự án khu nhà ở tại Vĩnh Tuy (2)	200.000.000	200.000.000
Dự án phầm mềm quản lý	309.600.000	193.500.000
Cộng	**1.391.499.063**	**1.275.399.063**

(1) Theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 268/2010/HĐHTKD giữa Công ty Cổ phần Vicem Thương mại Xi măng và Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Sông Đà về việc các bên thỏa thuận hợp tác để thực hiện các thủ tục chuẩn bị đầu tư, xin chuyển đổi mục đích sử dụng của 7.804,7m^2 đất và đầu tư xây dựng kinh doanh khu chung cư cao tầng Giáp Nhị kết hợp trung tâm thương mại dịch vụ tại ngõ số 1, Phan Đình Giót, Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.

(2) Theo Hợp đồng tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng công trình số 192/2011/TMXM - QLDA ngày 26/02/2011, Công ty Cổ phần Vicem Thương mại Xi măng và Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Thiết kế Xây dựng Việt Nam (CDC) đã thống nhất việc lập dự án Đầu tư xây dựng khu nhà ở kết hợp trung tâm thương mại dịch vụ tại Vĩnh Tuy. Tuy nhiên, UBND Quận Hai Bà Trưng không đồng ý xây dựng chung cư cao tầng, chỉ chấp nhận chuyển đổi khu đất sang xây dựng công trình dịch vụ thương mại và văn phòng làm việc với quy mô thấp tầng.

Theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông năm 2016 tiếp tục thực hiện 2 dự án, đến nay đã được Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam thỏa thuận chủ trương tiếp tục đầu tư theo phương án lựa chọn đối tác, thành lập pháp nhân triển khai thực hiện.

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2016	**180.000.000**	**135.000.000**	**315.000.000**
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	(180.000.000)	-	(180.000.000)
Tại ngày 31/12/2016	**-**	**135.000.000**	**135.000.000**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2016	**-**	**135.000.000**	**135.000.000**
Khấu hao trong năm	-	-	-
Tại ngày 31/12/2016	**-**	**135.000.000**	**135.000.000**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2016	**180.000.000**	**-**	**180.000.000**
Tại ngày 31/12/2016	**-**	**-**	**-**
Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao còn sử dụng	-	*135.000.000*	*135.000.000*

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Vicem Hoàng Thạch	25.120.465.552	25.120.465.552	35.225.361.467	35.225.361.467
Các nhà cung cấp khác	4.988.349.645	4.988.349.645	4.169.492.417	4.169.492.417
Cộng	**30.108.815.197**	**30.108.815.197**	**39.394.853.884**	**39.394.853.884**
Phải trả người bán là các bên liên quan				
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	637.572.667	637.572.667	542.103.403	542.103.403
Vicem Hoàng Thạch	25.120.465.552	25.120.465.552	35.225.361.467	35.225.361.467
Công ty Cổ phần Xi măng Bỉm Sơn	-	-	97.434.992	97.434.992

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2016	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2016
		VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	822.100.076	4.807.861.915	4.932.868.489	697.093.502
+ Văn phòng công ty	*818.474.740*	*4.658.419.901*	*4.761.788.122*	*715.106.519*
+ Chi nhánh Thái Nguyên	*3.625.336*	*149.442.014*	*171.080.367*	*(18.013.017)*
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.859.602.555	2.370.584.716	4.314.013.652	(83.826.381)
Thuế thu nhập cá nhân	14.134.895	461.113.083	444.448.778	30.799.200
Thuế đất, tiền thuê đất	18.570.000	2.493.676.537	2.512.246.537	-
Các loại thuế khác	-	4.000.000	4.000.000	-
Cộng	**2.714.407.526**	**10.137.236.251**	**12.207.577.456**	**644.066.321**
Trong đó				
Số thuế phải thu nhà nước	-			*101.839.398*
Số thuế phải trả nhà nước	*2.714.407.526*			*745.905.719*

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Trích trước chi phí bán hàng	985.963.780	434.844.922
Chi phí thưởng tiêu thụ xi măng	-	763.100.000
Chi phí hội nghị khách hàng	-	650.000.000
Các khoản chi phí khác	140.870.245	110.920.756
Cộng	**1.126.834.025**	**1.958.865.678**

18. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Ngắn hạn	**892.169.660**	**496.025.065**
- Kinh phí công đoàn	64.036.180	26.679.500
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	300.000.000	-
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	430.104.240	437.995.565
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	98.029.240	31.350.000
Dài hạn	**1.937.111.362**	**2.044.600.000**
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.937.111.362	2.044.600.000

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	LNST chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2015	**60.000.000.000**	**13.052.382.679**	**2.902.394.869**	**10.682.631.372**	**86.637.408.920**
Lãi trong năm	-	-	-	10.970.502.260	10.970.502.260
Phân phối lợi nhuận	-	2.969.955.863	350.000.000	(7.019.955.863)	(3.700.000.000)
Tại ngày 01/01/2016	**60.000.000.000**	**16.022.338.542**	**3.252.394.869**	**14.633.177.769**	**93.907.911.180**
Lãi trong năm	-	6.067.857.163	-	9.251.123.023	15.318.980.186
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	(10.834.523.830)	(10.834.523.830)
Tại ngày 31/12/2016	**60.000.000.000**	**22.090.195.705**	**3.252.394.869**	**13.049.776.962**	**98.392.367.536**

Phân phối lợi nhuận

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm	**14.633.177.769**	**10.682.631.372**
Lợi nhuận phát sinh trong năm	**9.251.123.023**	**10.970.502.260**
Phân phối lợi nhuận	**10.834.523.830**	**7.019.955.863**
Chi trả cổ tức	3.000.000.000	3.000.000.000
Trích quỹ đầu tư phát triển	6.067.857.163	2.969.955.863
Trích quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	-	350.000.000
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.416.666.667	350.000.000
Trích quỹ thưởng ban điều hành	350.000.000	350.000.000
Cộng	**13.049.776.962**	**14.633.177.769**

Trong năm 2016, Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông năm 2016 số 368/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/04/2016 của Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	35.786.140.000	35.786.140.000
Vốn góp của các cổ đông khác	24.213.860.000	24.213.860.000
Cộng	**60.000.000.000**	**60.000.000.000**

Cổ phiếu

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	**6.000.000**	**6.000.000**
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	6.000.000	6.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	6.000.000	6.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.000.000	6.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	6.000.000	6.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	**10.000**	**10.000**

20. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Nguyễn Văn Chuyển - Cửa hàng số 89 Thanh Xuân (*)	6.011.900	6.011.900
Vũ Quang Đăng - Cửa hàng số 94 Chùa Thông (*)	27.530.000	27.530.000
Đại lý 209 Minh Khai (**)	8.032.550	8.032.550
Đại lý 306 Hồ Tùng Mậu (**)	30.900.000	30.900.000
Công ty CP phát triển xây dựng và thương mại Thuận An (**)	7.200.000	7.200.000
Cộng	**79.674.450**	**79.674.450**

(*) Khách hàng nợ đã mất
(**) Các khách hàng vỡ nợ, Công ty đánh giá không thu hồi được

21. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Doanh thu kinh doanh xi măng	1.290.903.641.992	1.074.648.190.802
Doanh thu cho thuê tài sản	8.217.409.094	8.081.081.823
Cộng	**1.299.121.051.086**	**1.082.729.272.625**

22. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	41.684.307.754	20.218.397.463
Cộng	**41.684.307.754**	**20.218.397.463**

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Giá vốn của hàng hoá đã bán	1.211.984.517.432	1.012.014.506.623
Giá vốn dịch vụ cho thuê kho	6.736.583.346	6.698.380.716
Thuế đất các năm trước được miễn giảm	-	(2.586.553.218)
Cộng	**1.218.721.100.778**	**1.016.126.334.121**

24. DOANH THU TÀI CHÍNH

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.807.878.605	1.043.814.739
Chiết khấu thanh toán	1.617.082.638	2.639.734.400
Cộng	**3.424.961.243**	**3.683.549.139**

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm	**18.155.609.057**	**22.039.623.946**
Chi phí nhân viên	10.817.165.049	8.616.276.255
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	455.515.045	852.413.505
Chi phí khấu hao TSCĐ	181.495.454	161.657.788
Thuế, phí lệ phí	190.275.544	168.271.999
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.082.261.968	1.351.195.417
Chi phí bằng tiền khác	4.377.668.914	3.702.355.247
Dự phòng phải thu khó đòi	1.051.227.083	7.187.453.735
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm	**19.010.523.387**	**15.462.756.194**
Chi phí nhân viên	7.545.301.181	7.599.009.084
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	-	317.970.455
Chi phí khấu hao	56.087.472	82.086.792
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.054.978.353	4.035.706.718
Chi phí bằng tiền khác	9.354.156.381	3.427.983.145

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	455.515.045	1.170.383.960
Chi phí nhân công	22.471.170.778	20.255.826.250
Chi phí khấu hao tài sản cố định	513.567.777	543.037.408
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.137.240.321	5.386.902.135
Chi phí khác bằng tiền	13.922.100.839	7.070.904.150
Cộng	**40.499.594.760**	**34.427.053.903**

27. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Nhận khuyến mại, hỗ trợ từ các nhà máy xi măng	7.858.508.963	4.374.059.827
Thanh lý TSCĐ	3.822.560.032	-
Các khoản khác	104.750.001	626.922.028
Cộng	**11.785.818.996**	**5.000.981.855**

28. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí khuyến mại, hỗ trợ khách hàng	5.003.246.769	3.453.698.023
Chi phí khác	135.335.841	7.632.000
Cộng	**5.138.582.610**	**3.461.330.023**

29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	**11.621.707.739**	**14.105.361.872**
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	**231.215.841**	**144.000.000**
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	-
Cộng: Các khoản chi phí không được trừ	231.215.841	144.000.000
Thu nhập chịu thuế	**11.852.923.580**	**14.249.361.872**
Thuế suất thuế TNDN	20%	22%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	**2.370.584.716**	**3.134.859.612**

30. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	**9.251.123.023**	**10.970.502.260**
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	1.766.666.667
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ	9.251.123.023	9.203.835.593
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	6.000.000	6.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**1.542**	**1.534**

Số quỹ khen thưởng phúc lợi loại trừ khỏi Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông của năm 2015 là số được phân phối theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 số 368/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/04/2016.

31. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hoàng Thạch	Đơn vị thành viên thuộc Tổng Công ty
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng	Đơn vị thành viên thuộc Tổng Công ty
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Tam Điệp	Đơn vị thành viên thuộc Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	Đơn vị thành viên thuộc Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bỉm Sơn	Đơn vị thành viên thuộc Tổng Công ty

Ngoài các giao dịch và số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của Báo cáo tài chính này, trong năm Công ty có giao dịch với các bên liên quan sau:

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Mua hàng		
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hoàng Thạch	773.407.416.657	674.718.405.352
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	236.806.680.706	273.535.210.171
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Tam Điệp	38.848.702.992	21.150.535.011
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bỉm Sơn	2.762.910.848	11.037.285.800
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng	131.492.364.282	6.964.206.819
Phí tư vấn		
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	1.007.592.917	851.624.916
Nhận hàng khuyến mại, hỗ trợ		
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hoàng Thạch	5.797.423.552	3.345.235.498
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	1.312.234.868	936.986.816
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bỉm Sơn	-	91.837.513
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Tam Điệp	500.607.125	-
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng	248.357.054	-
Chi trả cổ tức		
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	1.789.307.000	1.789.307.000
Chiết khấu thanh toán được hưởng		
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	1.291.513.800	2.599.744.900
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng	325.568.838	39.989.500
Thu nhập của Ban Giám đốc và HĐQT	**1.501.419.958**	**1.670.543.500**

Số dư với các bên liên quan

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Trả trước cho người bán		
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	5.074.061.332	9.607.957.332
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng	2.953.424.534	179.362.000
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bỉm Sơn	163.363.073	
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Tam Điệp	269.562.972	243.982.058
Phải thu khác		
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Tam Điệp	134.802.840	-
Phải trả khác		
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	79.010.000	31.350.000

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ 31/12/2016	Giá trị ghi sổ 31/12/2015
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	28.057.782.696	53.072.727.541
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	33.000.000.000	-
Phải thu khách hàng và phải thu khác	58.899.093.850	64.845.948.941
Tài sản tài chính khác	-	-
Cộng	**119.956.876.546**	**117.918.676.482**
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	32.443.955.799	41.470.803.884
Chi phí phải trả	1.126.834.025	1.958.865.678
Cộng	**33.570.789.824**	**43.429.669.562**

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đặt mục tiêu và các nguyên tắc cơ bản về quản lý rủi ro tài chính cho Công ty. Ban Giám đốc lập các chính sách chi tiết như nhận diện và đo lường rủi ro, hạn mức rủi ro và các chiến lược phòng ngừa rủi ro. Việc quản lý rủi ro tài chính được nhân sự thuộc bộ phận tài chính thực hiện.

Các nhân sự thuộc bộ phận tài chính đo lường mức độ rủi ro thực tế so với hạn mức được đề ra và lập báo cáo thường xuyên để Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc xem xét. Thông tin trình bày sau đây là dựa trên thông tin mà Ban Giám đốc nhận được.

Rủi ro tín dụng

Chính sách của Công ty là chỉ giao dịch với các khách hàng có quá trình tín dụng tốt và thu được đủ tài sản đảm bảo phù hợp nhằm giảm rủi ro tín dụng. Đối với các tài sản tài chính khác, chính sách của Công ty là giao dịch với các tổ chức tài chính và các đối tác khác có xếp hạng tín nhiệm cao.

Mức rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính bằng với giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó trên bảng cân đối kế toán. Các nhóm tài sản tài chính lớn của Công ty là tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn, có kỳ hạn), phải thu của khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ gắn liền với các khoản nợ tài chính được thanh toán bằng cách giao tiền mặt hoặc một tài sản tài chính khác. Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây phân tích các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu.

	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2016			
Phải trả người bán và phải trả khác	30.506.844.437	1.937.111.362	32.443.955.799
Chi phí phải trả	1.126.834.025	-	1.126.834.025
Tại ngày 31/12/2015			
Phải trả người bán và phải trả khác	39.426.203.884	2.044.600.000	41.470.803.884
Chi phí phải trả	1.958.865.678	-	1.958.865.678

Đo lường theo giá trị hợp lý

Giá gốc trừ dự phòng (nếu có) đối với phải thu khách hàng, phải thu về cho vay, phải thu khác, phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

33. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

34. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính là số liệu đã được điều chỉnh hồi tố theo kết luận của cơ quan Kiểm toán Nhà nước ngày 19/10/2016, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 29 - Thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán và các sai sót. Cụ thể các thay đổi như sau:

Bảng cân đối kế toán	Mã số	Trước điều chỉnh	Sau điều chỉnh	Chênh lệch
		VND	VND	VND
Tài sản				
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	(40.099.094.653)	(36.796.377.592)	3.302.717.061
Nguồn vốn				
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	1.642.992.313	2.714.407.526	1.071.415.213
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	3.526.217.769	1.958.865.678	(1.567.352.091)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	10.834.523.830	14.633.177.769	3.798.653.939
Cộng nguồn vốn		**16.003.733.912**	**19.306.450.973**	**3.302.717.061**

Báo cáo kết quả kinh doanh	Mã số	Trước điều chỉnh	Sau điều chỉnh	Chênh lệch
		VND	VND	VND
Chi phí bán hàng	25	16.582.608.285	15.462.756.194	(1.119.852.091)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25.571.332.820	22.039.623.946	(3.531.708.874)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD	30	7.914.149.075	12.565.710.040	4.651.560.965
Thu nhập khác	31	4.782.473.668	5.000.981.855	218.508.187
Lợi nhuận khác	40	1.321.143.645	1.539.651.832	218.508.187
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	9.235.292.720	14.105.361.872	4.870.069.152
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	2.063.444.399	3.134.859.612	1.071.415.213
Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	7.171.848.321	10.970.502.260	3.798.653.939

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2017

Người lập	Kế toán trưởng	Giám đốc
Đặng Thành Công	Văn Quang Đức	Ngô Đức Lưu